



Số: 4575/MT/1867/0626

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 16/06/2026  
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải sinh hoạt - Sau hệ thống xử lý nước thải  
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu khoảng 04 lít (02 chai)  
3. Ngày nhận mẫu : 03/06/2026  
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa  
5. Ngày thử nghiệm : Từ 03/06/2026 đến 14/06/2026  
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CẢNG HÀNG KHÔNG RẠCH GIÁ**  
**Số 418, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang**  
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....  
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không  
9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                                       | Đơn vị | Phương pháp thử                                 | Kết quả           | Mức giới hạn (*) |
|-----|----------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------------------------|-------------------|------------------|
| 1   | (#) pH                                                         | -      | SMEWW 4500-H <sup>+</sup> .B:2023               | 7,44 (tại 28,9°C) | 5 - 9            |
| 2   | Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)                          | mg/L   | SMEWW 2540D:2023                                | 14,00             | 100              |
| 3   | Hàm lượng BOD <sub>5</sub> (ở 20°C)                            | mg/L   | SMEWW 5210B:2023                                | 6                 | 50               |
| 4   | (#) Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)                           | mg/L   | SMEWW 2540C:2023                                | 160               | 1.000            |
| 5   | Hàm lượng Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)                  | mg/L   | SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> .B&D:2023            | KPH (MDL = 0,02)  | 4,0              |
| 6   | Hàm lượng Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N)  | mg/L   | TCVN 5988:1995                                  | KPH (MDL = 0,70)  | 10               |
| 7   | Hàm lượng Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N) | mg/L   | SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2023 | 0,94              | 50               |
| 8   | Hàm lượng dầu mỡ động thực vật                                 | mg/L   | SMEWW 5520B&F:2023                              | KPH (MDL = 0,90)  | 20               |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (#) Kết quả chỉ có giá trị tham khảo, kết quả có giá trị pháp lý khi được quan trắc hiện trường bởi tổ chức có giấy chứng nhận VIMCERTS; - (\*) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (•) theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B) với K = 1 (theo yêu cầu khách hàng); - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.*  
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.  
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORTNgày: 16/06/2026  
Trang: 2/2

| STT | Chỉ tiêu                                                | Đơn vị    | Phương pháp thử     | Kết quả              | Mức giới hạn (*) |
|-----|---------------------------------------------------------|-----------|---------------------|----------------------|------------------|
| 9   | Tổng các chất hoạt động bề mặt                          | mg/L      | TCVN 6622-1:2009    | KPH (MDL = 0,15)     | 10               |
| 10  | Hàm lượng Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ) (tính theo P) | mg/L      | SMEWW 4500-P.E:2023 | KPH (MDL = 0,02)     | 10               |
| 11  | Coliforms                                               | MPN/100mL | SMEWW 9221B:2023    | < 1,8 <sup>(a)</sup> | 5.000            |

CATECH

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
- Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
*Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.*
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.  
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*